

## Nguyễn Phi Long

Chuyên viên phân tích

[Long.nguyenphi@mbs.com.vn](mailto:Long.nguyenphi@mbs.com.vn)

## Hoàng Công Tuấn

Trưởng bộ phận kinh tế

[Tuan.hoangcong@mbs.com.vn](mailto:Tuan.hoangcong@mbs.com.vn)

## Kinh tế Việt Nam

- **08T 2019, kim ngạch xuất khẩu đạt 170 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ 2018, cán cân thương mại thặng dư 3,4 tỷ USD.**
- **Ngành công nghiệp chế biến chế tạo là động lực tăng trưởng chính giúp chỉ số sản xuất công nghiệp IIP 08 tháng tăng 10,5% yoy.**
- **Tăng trưởng đơn hàng xuất khẩu chậm lại trong tháng 08 khiến chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam giảm xuống còn 51.4 điểm từ mức 52.6 điểm trong tháng 07.**
- **Leo thang căng thẳng thương mại Mỹ-Trung khiến dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng trưởng mạnh, tăng gấp đôi trong vòng 5 năm, tổng vốn FDI đăng ký 8T 2019 đạt 22,6 tỷ USD, FDI giải ngân cao nhất từ trước đến nay đạt 11,96 tỷ USD (+6,3% yoy).**
- **Doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 8 tháng đầu năm đạt 139 tỷ USD, tăng trưởng 12,4% so với cùng kỳ do người tiêu dùng tiếp tục đẩy mạnh chi tiêu.**
- **NSNN thặng dư 97.200 tỷ đồng trong 08 tháng đầu năm, thu NSNN đạt 932,1 nghìn tỷ đồng, bằng 66% dự toán năm.**
- **CPI tháng 08 tăng 2,26% so với cùng kỳ 2018 do chi phí dịch vụ y tế điều chỉnh tăng bình quân 4,4% từ ngày 20/08/2019.**
- **Thị trường ngoại hối trong nước không có biến động lớn trong tháng 08, tỷ giá VND/USD liên ngân hàng giao dịch quanh ngưỡng 23.200 đồng/USD dù đồng nhân dân tệ giảm giá mạnh 4% so với đồng USD.**

## Hoạt động thương mại

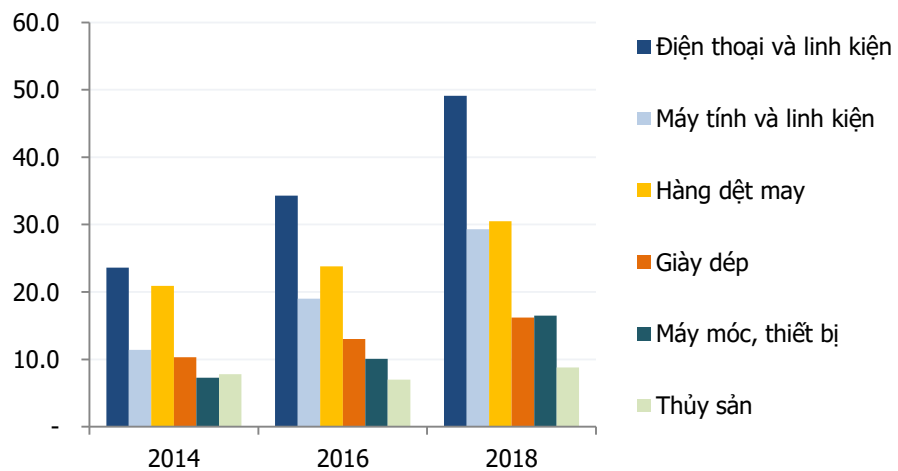
### Kim ngạch xuất khẩu 8 tháng 2019 đạt 170 tỷ USD, tăng 7,3% so với cùng kỳ

Với mức tăng trưởng bình quân hàng năm 13% trong giai đoạn 2014-2018, hoạt động xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục mở rộng trong 8 tháng đầu năm 2019, ước tính đạt 170 tỷ USD (+7,3% so với cùng kỳ), dù tốc độ tăng trưởng thấp hơn do môi trường thương mại quốc tế gặp nhiều trở ngại hơn bởi sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ toàn cầu. Đóng góp cho mức tăng trưởng này là lĩnh vực xuất khẩu điện thoại và linh kiện, chiếm 1/5 tổng kim ngạch, ước tính đạt 33 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm. Kim ngạch xuất khẩu điện thoại tăng mạnh 37,8% so với tháng 07, do Samsung tiến hành xuất khẩu điện thoại Galaxy Note 10 mới ra mắt của hãng. Các mặt hàng khác đóng góp cho sự tăng trưởng tích cực của hoạt động xuất khẩu bao gồm: máy tính, điện tử và linh kiện đạt 21,9 tỷ USD (+14,3% yoy), hàng dệt may đạt 21,7 tỷ USD (+9,8% yoy), xuất khẩu giày dép đạt 12 tỷ USD (+13,1% yoy), gỗ và các sản phẩm gỗ đạt 6,5 tỷ USD (+15,4% yoy). Trong khi đó, giá trị xuất khẩu của hầu hết các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đều suy giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái do sự giảm giá của các mặt hàng này trên thị trường quốc tế: xuất khẩu hạt điều giảm 9,4% so với cùng kỳ đạt 2,1 tỷ USD, gạo đạt 2 tỷ USD (-14,2% yoy), xuất khẩu cà phê giảm 20% so với năm 2018, đạt 2 tỷ USD.

8T 2019, Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ đạt 38,6 tỷ USD (+25,3% so với cùng kỳ), đứng thứ 2 là thị trường EU với 27,7 tỷ USD (-0,5% yoy) tiếp đến là thị trường Trung Quốc đạt 23,8 tỷ USD (chiếm 13,8% tổng kim ngạch xuất khẩu).

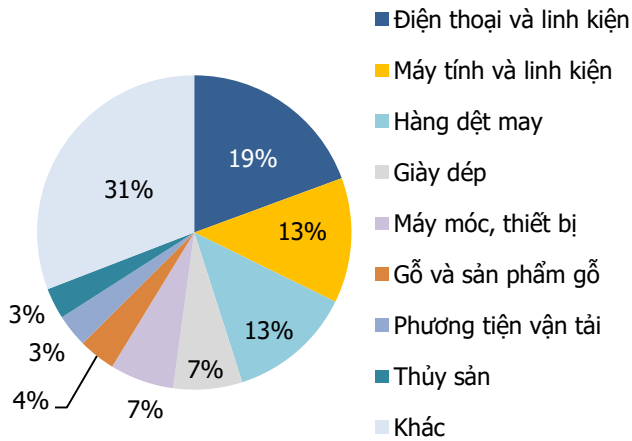
Kim ngạch nhập khẩu 8 tháng 2019 ước tính đạt 166,6 tỷ USD, tăng trưởng 8,5% cùng kỳ, trong đó các sản phẩm nhập khẩu chính bao gồm: máy tính, điện tử và linh kiện đạt 33,6 tỷ USD (+21% yoy), chiếm tỷ trọng 20,2% tổng kim ngạch nhập khẩu, nhập khẩu máy móc, thiết bị đạt 24 tỷ USD (+12,9% yoy), vải đạt 8,8 tỷ USD (+4,8%), điện thoại và linh kiện đạt 8,7 tỷ USD (-5,9% yoy), nhập khẩu sắt thép đạt 6,4 tỷ USD (-4,4%).

**Hình 1. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam (tỷ USD)**



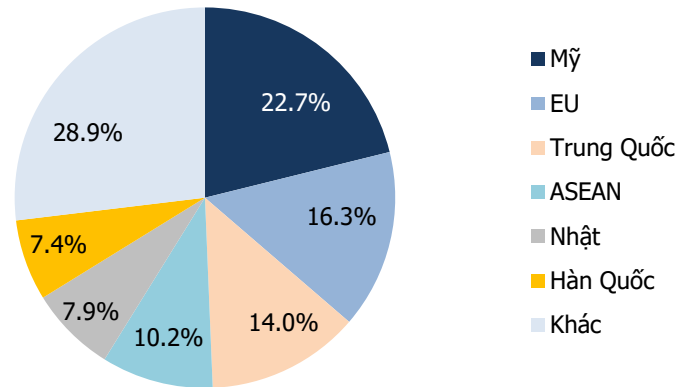
Nguồn: TCTK, MBS Research.

**Hình 2. Tỷ trọng các mặt hàng xuất khẩu**



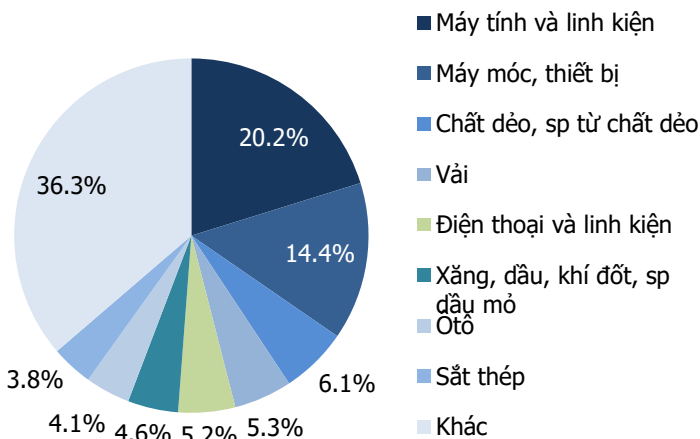
Nguồn: TCTK.

**Hình 3. Các thị trường xuất khẩu chính**



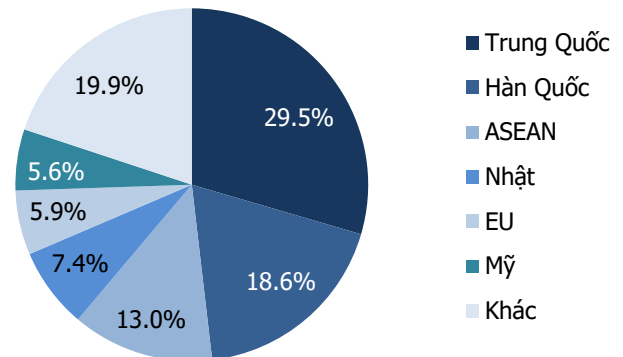
Nguồn: TCTK.

**Hình 4. Tỷ trọng các mặt hàng nhập khẩu**



Nguồn: TCTK.

**Hình 5. Các nguồn nhập khẩu chính**



Nguồn: TCTK.

## Sản xuất công nghiệp

### Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng chính giúp chỉ số sản xuất công nghiệp IIP 08 tháng tăng 10,5% so với cùng kỳ 2018

Chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng 8 tiếp tục đà tăng trưởng bền vững với mức tăng 10,5% so với cùng kỳ 2018. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng chính với mức tăng 10,3% yoy. Trong đó, các lĩnh vực có sự phát triển tích cực bao gồm: sản xuất bia (+12,2% so với cùng kỳ), sản xuất vải (+14,8%), sản xuất da giày (+15%), sản xuất hóa chất (+13,1%), sản xuất mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh (+15,9%), sản xuất kim loại

(+37%), chất dẻo (+14,9%), sản xuất thiết bị nâng hạ, bốc xếp (+186,8%), sản xuất đồ chơi (+266,2%) và sản xuất trang thiết bị y tế (+33,3%).

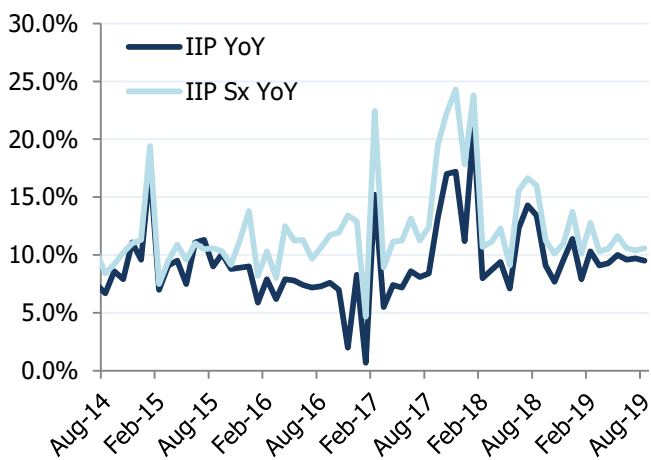
Các lĩnh vực làm giảm tốc độ tăng trưởng của ngành sản xuất công nghiệp trong tháng 8: khai thác dầu thô (-3,7% yoy), sản xuất thuốc (-10,7%), sản xuất xi măng (-10%), sản xuất xe máy (-9% yoy), sửa chữa máy móc thiết bị (-14,5%).

### Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) trong tháng 08 giảm xuống 51,4 điểm từ mức 52.6 điểm trong tháng 07

Theo IHS Markit, tác động của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung khiến đà tăng trưởng đơn đặt hàng xuất khẩu có phần suy giảm trong tháng 08, hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam tăng trưởng chậm lại, chỉ số PMI sản xuất tháng 08 đã giảm xuống mức 51.4 điểm từ mức 52.6 điểm trong tháng 07. Điều kiện sản xuất kinh doanh tuy được cải thiện và mở rộng tháng thứ 45 liên tiếp (trên ngưỡng cân bằng 50 điểm), mức độ đã suy yếu trong tháng 08.

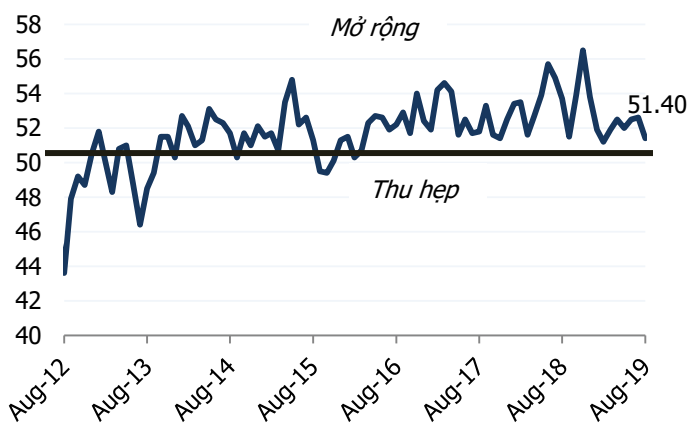
Lĩnh vực sản xuất hàng hóa đầu tư cơ bản được khảo sát cho kết quả điều kiện kinh doanh kém tích cực, trong khi đó các nhà sản xuất hàng tiêu dùng và hàng hóa trung gian vẫn được cải thiện. Tốc độ tăng giá của nguyên liệu đầu vào cho sản xuất ở mức thấp khiến doanh nghiệp đẩy mạnh mua vào nguyên liệu sản xuất và gia tăng mức tồn kho nguyên liệu, đồng thời có dư địa giảm giá thành phẩm mà không ảnh hưởng đến biên lợi nhuận. Mức suy giảm tăng trưởng của chỉ số PMI tại Việt Nam trong tháng 08 được các nhà sản xuất đánh giá là mang tính tạm thời, doanh nghiệp vẫn có niềm tin tích cực vào triển vọng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tới, với kỳ vọng số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng trưởng tích cực trở lại.

**Hình 6. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 08**



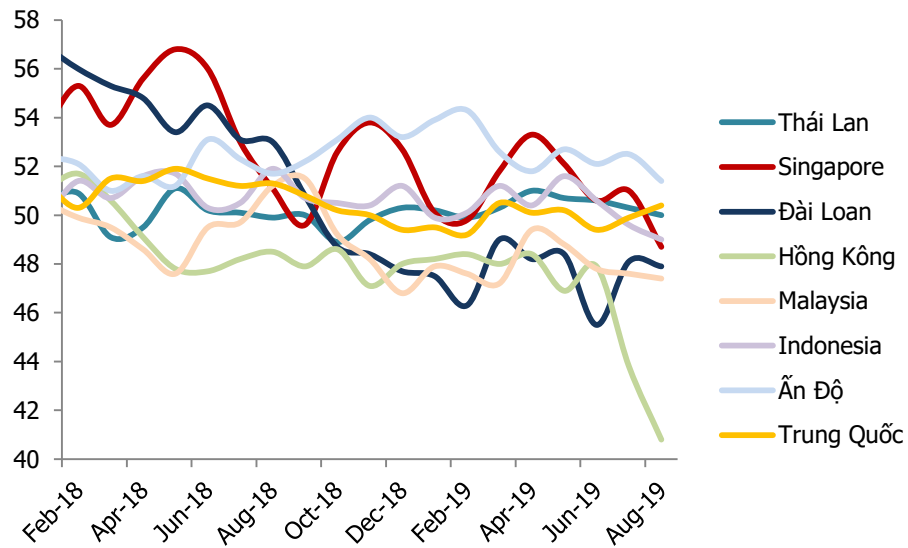
Nguồn: TCTK.

**Hình 7. Chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam**



Nguồn: Nikkei – IHS Markit.

**Hình 8. Chỉ số PMI của một số quốc gia trong khu vực**



Nguồn: Bloomberg, IHS Markit.

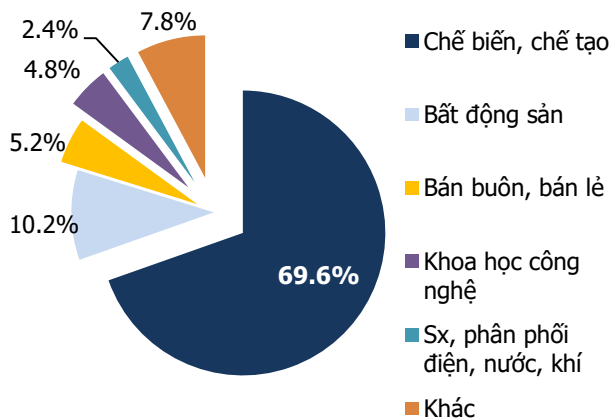
## Đầu tư

### Tổng vốn đăng ký 8T 2019 đạt 22,6 tỷ USD, FDI giải ngân đạt 11,96 tỷ USD (+6,3% yoy)

Là một trong những khu vực sản xuất thay thế Trung Quốc cho các thương hiệu quốc tế từ khi tranh chấp thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc bắt đầu, Việt Nam tiếp tục đón nhận dòng vốn đầu tư rời khỏi Trung Quốc. Trong khi vốn FDI từ Trung Quốc Đại Lục (Hồng Kông, Đài Loan, Trung Quốc) chỉ chiếm ¼ tổng dòng vốn FDI vào Việt Nam trong 8 tháng 2014, đến nay vốn đầu tư từ Trung Quốc Đại Lục đã chiếm tỷ trọng tới 41.3% tổng lượng vốn FDI đăng ký tại Việt Nam. Lượng vốn chảy từ các khu vực này tăng xấp xỉ 4 lần trong 5 năm, đạt 9,35 tỷ USD 8 tháng 2019. Vốn FDI đăng ký tăng gấp đôi trong giai đoạn này, ước tính đạt 22,63 tỷ USD (tính đến 20/08/2019) theo Bộ KH&ĐT. Cả nước có 2.406 dự án cấp mới, vốn FDI thực hiện trong 08 tháng đầu năm đạt 11,96 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ 2018, cao nhất từ trước tới nay.

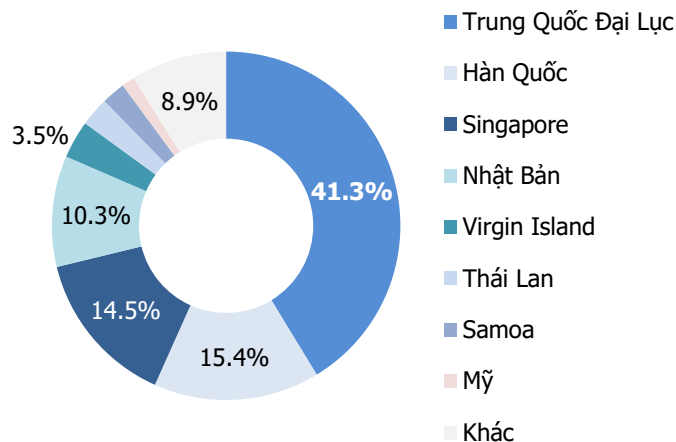
Dòng vốn vào ngành công nghiệp sản xuất chế biến chế tạo đứng đầu với 15,7 tỷ USD, tương đương với 70% tổng số vốn FDI đăng ký. Lĩnh vực kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với 2,3 tỷ USD vốn FDI, chiếm 10% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh vực bán buôn bán lẻ với 1,12 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm tỷ trọng 5,2%.

**Hình 9. Lĩnh vực thu hút dòng vốn FDI**



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

**Hình 10. Cơ cấu nhà đầu tư theo quốc gia**



Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài.

## Tiêu dùng

### Doanh thu bán lẻ 08 tháng tăng trưởng 12,4% so với cùng kỳ, đạt 139 tỷ USD

Theo TCTK, doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng 8 tháng đầu năm tăng trưởng 12,4% so với cùng kỳ, đạt 138,6 tỷ USD. Dù triển vọng kinh tế thế giới kém tích cực, căng thẳng thương mại toàn cầu leo thang, niềm tin người tiêu dùng Việt Nam vẫn duy trì tích cực khiến họ đẩy mạnh chi tiêu, thúc đẩy doanh thu bán lẻ hàng hóa 8T 2019 tăng 12,5% so với cùng kỳ 2018, đạt 105,4 tỷ USD.

Dịch vụ lưu trú, ăn uống, với tỷ trọng 12% tổng mức, tiếp tục mức tăng trưởng ổn định 9,8% yoy, đạt 16,6 tỷ USD. Doanh thu dịch vụ du lịch 8 tháng ước tính đạt 1,88 tỷ USD, tăng trưởng 12,1%.

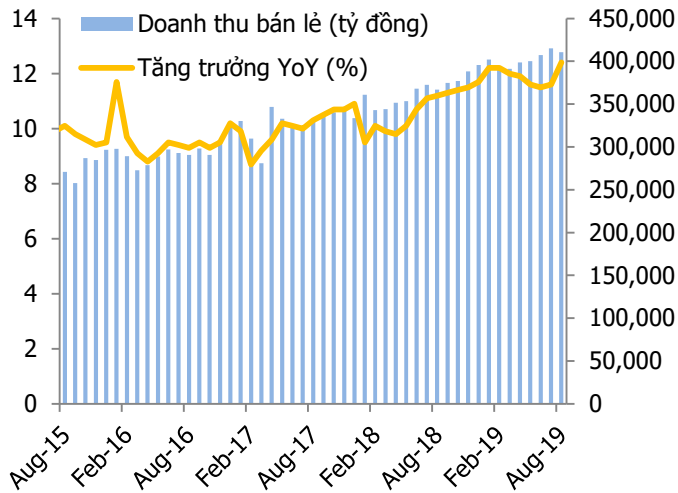
## Chi tiêu của chính phủ

### NSNN thặng dư 97.200 tỷ đồng trong 08 tháng 2019

8 tháng đầu năm, thặng dư NSNN đạt 97,2 nghìn tỷ đồng. Tổng thu ngân sách đạt 932,1 nghìn tỷ đồng, bằng 66% dự toán năm, trong đó thu nội địa chiếm 64%, đạt 751,8 nghìn tỷ đồng. Trong thu nội địa, thu từ thuế công, thương nghiệp và dịch vụ từ lĩnh vực tư nhân đạt 149,3 nghìn tỷ đồng, là nguồn thu chiếm tỷ trọng lớn nhất (1/5 tổng thu nội địa). Tiếp đến là thu từ doanh nghiệp FDI (17% thu nội địa), thu từ DNNN đạt 101,8 nghìn tỷ đồng (chiếm 14%), thu thuế TNCN đạt 73,2 nghìn tỷ đồng (10%).

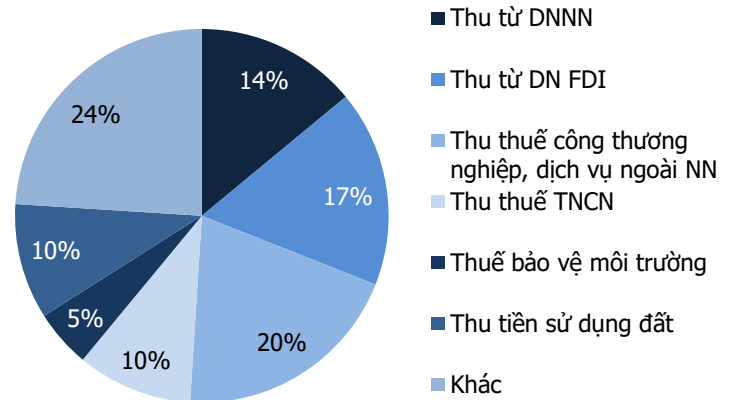
Tổng chi NSNN 7 tháng đầu năm ước tính đạt 834,9 nghìn tỷ đồng, bằng 51,1% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 607,2 nghìn tỷ đồng.

**Hình 11. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ.**



Nguồn: TCTK.

**Hình 12. Cơ cấu nguồn thu nội địa.**



Nguồn: TCTK.

**Hình 13. Cân đối NSNN (tính đến ngày 15/08/2019)**

Tỷ đồng	Dự toán 2019	Q1/2019	8T 2019	% Kế hoạch năm
<b>Tổng thu NSNN</b>	<b>1.411.300</b>	<b>381.000</b>	<b>932.100</b>	<b>66%</b>
Thu nội địa	1.173.500	315.400	751.800	64%
Thu từ dầu thô	44.600	12.280	36.300	81,4%
Thu từ XNK	189.200	53.000	141.200	74,6%
Thu viện trợ	4.000			
<b>Tổng chi NSNN</b>	<b>1.633.300</b>	<b>315.560</b>	<b>834.900</b>	<b>51,1%</b>
Chi đầu tư phát triển	429.300	46.700	144.500	33,6%
Chi thường xuyên	999.466	237.180	607.200	60,7%
Chi trả nợ lãi	124.884	30.760	71.300	55,3%
Chi trả nợ gốc	196.799	99.128		0,0%
<b>Cân đối NSNN</b>	<b>-222.000</b>	<b>65.400</b>	<b>97.200</b>	
Tỷ lệ bội chi so với GDP	3,6%			
<b>Tổng vay NSNN</b>	<b>425.252</b>			

Nguồn: Bộ Tài Chính, TCTK.

## Chi báo vĩ mô

### **CPI tháng 08 tăng 2,26% so với cùng kỳ năm ngoái do giá thuốc và dịch vụ y tế điều chỉnh tăng**

Lạm phát tháng 08 tăng 2,26% so với cùng kỳ do nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng mạnh 8,88% yoy và nhóm giáo dục tăng 6,6% yoy. Bộ Y Tế công bố Thông tư 13/2019/TT-BYT và Thông tư 14/2019/TT-BYT điều chỉnh phí khám và giường bệnh tăng trung bình 4,4%, hiệu lực từ ngày 20/08/2019. Lương cơ sở của cán bộ công viên chức và lực lượng vũ trang điều chỉnh tăng 100 nghìn đồng/tháng (+7,2%) lên mức 1.490.000 đồng/tháng từ ngày 1/7/2019 cũng góp phần làm tăng chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 08. Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,7% yoy, nhóm giáo dục tăng 6,6%, nhóm văn hóa, giải trí, du lịch tăng 1,66% yoy.

Các nhóm ngành góp phần làm giảm chỉ số CPI: nhóm giao thông (-0,62% yoy), nhóm bưu chính viễn thông (-0,61%).

### **Tỷ giá VND trên thị trường ngoại hối ổn định quanh ngưỡng 23.200 đồng/USD dù đồng nhân dân tệ giảm mạnh so với đồng USD trong tháng 08**

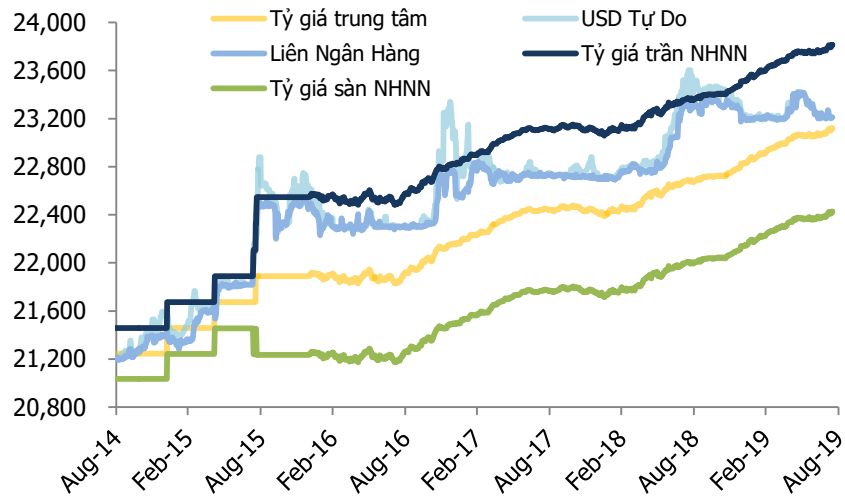
Thị trường tài chính toàn cầu biến động mạnh trong tháng 08 do căng thẳng thương mại Trung-Mỹ tiếp tục leo thang. Đồng NDT sụt giá 4% so với đồng USD xuống mức 7.16 NDT/USD sau khi Mỹ chính thức tuyên bố Trung Quốc là quốc gia thao túng tiền tệ, và vòng thuế mới áp lên các mặt hàng xuất khẩu của hai nền kinh tế lớn nhất thế giới được công bố. Tổng thống Mỹ Donald Trump đã áp mức thuế mới 15% lên 110 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ từ ngày 01/09/2019, đồng thời tăng mức thuế hiện tại từ 25% lên 30% lên 250 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc. Trung Quốc trả đũa bằng việc tăng thêm 5-10% thuế suất lên 75 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu của Mỹ, bao gồm đậu nành, ô tô và máy bay.

Trước biến động của thị trường thế giới và áp lực lớn từ việc đồng NDT mất giá mạnh, thị trường ngoại hối trong nước khá vững vàng trước các tác động bên ngoài. Tỷ giá VND/USD liên ngân hàng chốt phiên 31/08 giảm 08 đồng so với thời điểm cuối tháng 07, giao dịch tại mức 23.197 đồng/USD. Trên thị trường tự do, VND giao dịch ở mức 23.215 đồng/USD, chỉ tăng nhẹ 15 đồng (+0,05%) so với tỷ giá ngày 31/07. Tỷ giá trung tâm của NHNN tăng 63 đồng lên mức 23.133 đồng/USD, động thái điều hành chủ động thường thấy của NHNN trước các biến động lớn từ bên ngoài.

Diễn biến một số đồng tiền trong khu vực so với đồng USD: từ đầu năm đến nay, đồng Baht Thái tăng 5,39%, Rupee Indonesia tăng 1,8%, PHP tăng 0,72%, SGD giảm 1,76%, NDT giảm 4,29% và VND tăng 0,06%.

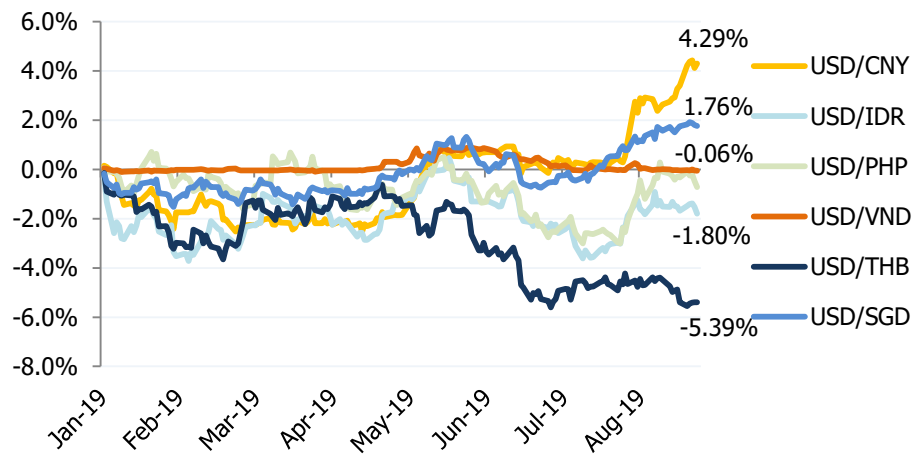


**Hình 14. Tỷ giá USD/VND**



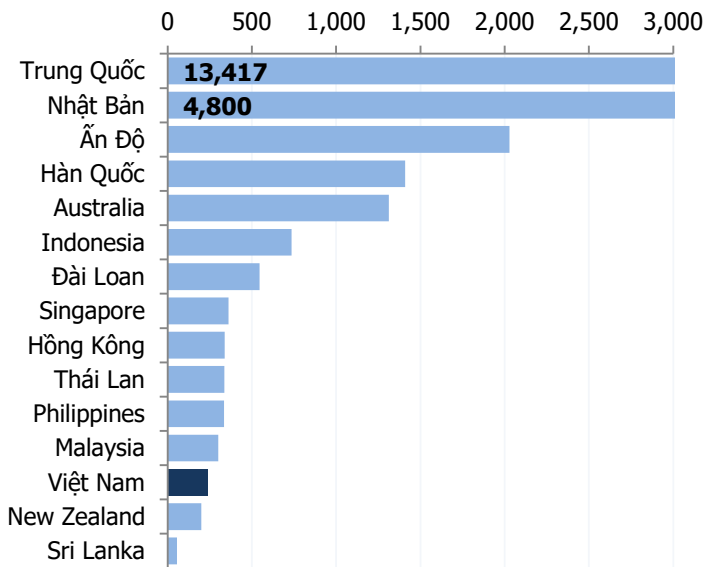
Nguồn: Bloomberg.

**Hình 15. Biến động tỷ giá một số đồng tiền các quốc gia so với USD**

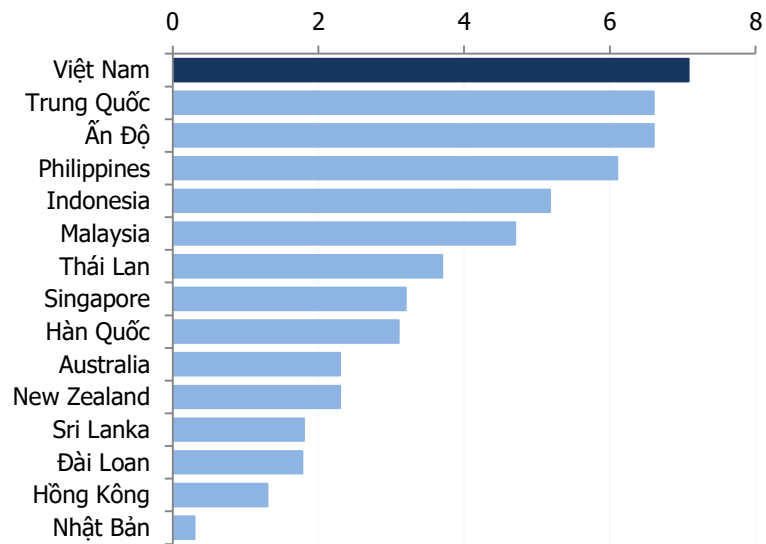


Nguồn: Bloomberg.

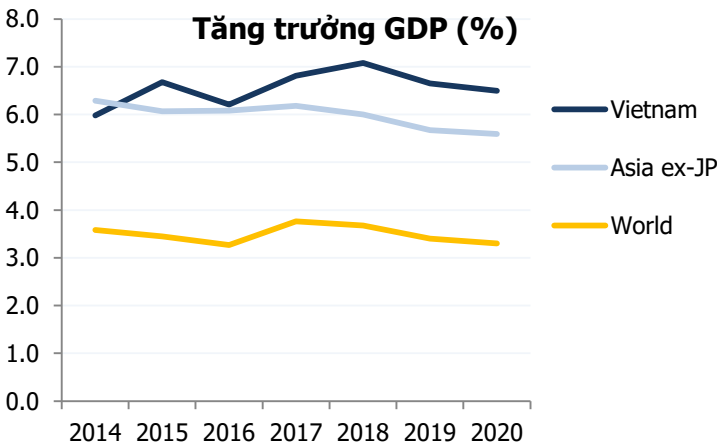
### GDP (tỷ USD)



### Tăng trưởng GDP 2018 (%)

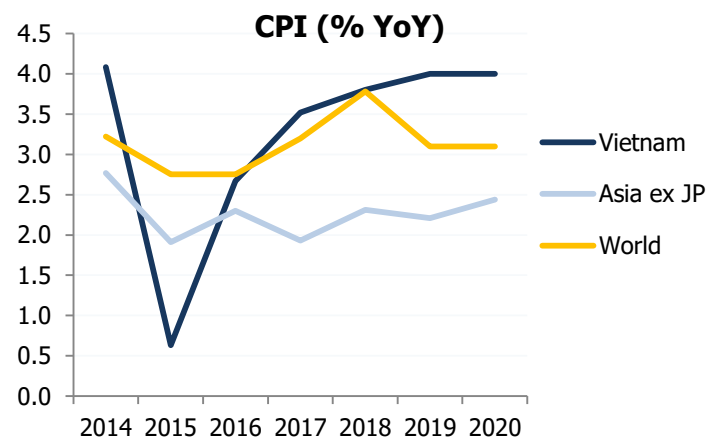


Nguồn: Bloomberg, MBS.

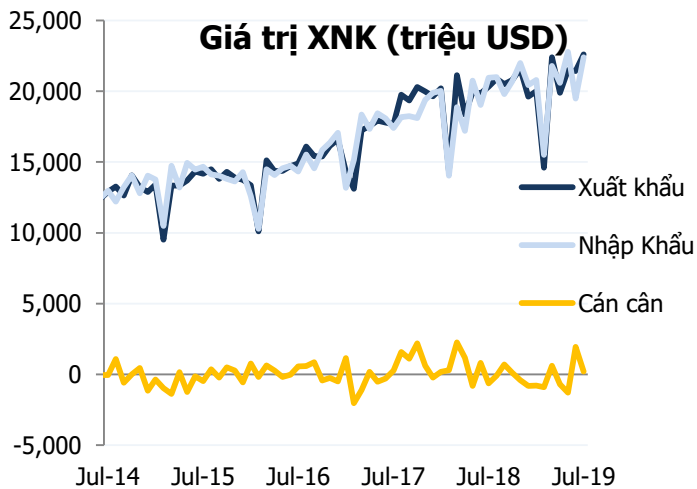


Nguồn: Bloomberg, MBS.

Nguồn: Bloomberg, MBS.



Nguồn: Bloomberg, MBS.



**Hình 16. Các chỉ số kinh tế Việt Nam**

	2014	2015	2016	2017	2018	2019F	2020F
<b>GDP</b>							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	185,8	191,3	201,3	220,4	241,4	257,6	274,3
Tăng trưởng GDP thực (%)	6,0	6,7	6,2	6,8	7,1	6,7	6,5
<b>Chỉ tiêu trên GDP (% thay đổi)</b>							
Tiêu dùng lĩnh vực tư nhân	6,1	9,3	7,3	7,4	5,9	5,5	5,4
Tiêu thụ của chính phủ	7	7	7,5	7,3	6,6	6,5	6,5
Xuất khẩu hàng hóa dịch vụ	11,6	12,6	13,9	8,8	8,2	7,1	6,4
Nhập khẩu hàng hóa dịch vụ	12,8	18,1	15,3	10,9	6,9	6,9	6,7
<b>Dân số và thu nhập</b>							
Dân số (triệu người)	92,5	93,6	94,6	95,5	96,5	97,4	98,4
GDP/đầu người (USD theo PPP)	5.675	6.053	6.430	6.928	7.482	8.060	8.665
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2,1	2,33	2,33	2,2	2	2	2
<b>Chỉ số tài khóa (%GDP)</b>							
Nợ chính phủ	46,4	49,2	52,6	51,8	52,1	52,2	52,2
Nợ công	58	61	63,6	62,6	61,4	61,3	60,8
Nợ nước ngoài	38,3	42	44,8	48,9	49,7	49,9	49,9
<b>Giá và các chỉ số tài chính</b>							
Tỷ giá USD/VND	21.373	22.485	22.740	22.690	23.180	23.440	23.300
Tỷ giá EUR/VND	25.948	24.479	23.970	27.212	26.541	25.784	25.630
Lạm phát (%)	4,1	0,6	2,7	3,5	3,5	4	4
Tăng trưởng tín dụng	14,2	17,1	18,7	18,2	13,9	14,6	14,2
Tăng trưởng cung tiền M1 (%)	21,2	18	18,1	16,7	11,3	13,1	12,8
Tăng trưởng cung tiền M2 (%)	17,69	16,23	18,38	14,97	11,9	13,7	13,6
Lãi suất cho vay 12 tháng	8,8	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5	8,5
<b>Cán cân thanh toán (triệu USD)</b>							
Cán cân thương mại	12.126	7.396	14.013	11.427	16.539	8.267	7.302
Hàng hóa: Xuất khẩu FOB	150.217	162.112	176.632	214.628	243.697	253.483	261.021
Hàng hóa: Nhập khẩu FOB	138.091	154.716	162.619	203.201	227.157	245.216	253.719
Cán cân dịch vụ	-3.530	-4.300	-5.400	-3.971	-3.680	-2.802	-2.941
Cán cân vãng lai	9.359	906	8.235	5.207	5.899	2.998	1.403
<b>Nợ nước ngoài (triệu USD)</b>							
Dư nợ	72.423	77.806	85.642	104.080	114.708	120.299	121.024
Trả nợ gốc	5.313	4.927	5.732	11.238	7.798	9.004	10.173
Lãi suất	1.422	1.702	1.600	2.307	2.486	2.971	3.197
<b>Dự trữ ngoại hối (triệu USD)</b>							
Tổng dự trữ ngoại hối	34.575	28.616	36.906	49.497	54.491	59.938	60.310

Nguồn: IMF, IMF Financial Statistics, EIU, Bloomberg, NFSC, MBS tổng hợp.

## SẢN PHẨM

Sản phẩm này cập nhật những diễn biến mới nhất của nền kinh tế Việt Nam. Báo cáo tập trung vào các vấn đề kinh tế vĩ mô quan trọng như lạm phát, tăng trưởng kinh tế, cán cân thương mại, tỷ giá và các chính sách vĩ mô. Báo cáo này cũng dự báo những biến số ảnh hưởng lớn đến thị trường chứng khoán. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

## TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

## MBS HỢI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
ĐT: + 84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601  
Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.